

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/ HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2018

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hiền;

2/ Bà Trần Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2017/ TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp: “Ly hôn ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* **Đặng Hồng N**, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 158/38, khu phố 3, đường N, phường M, thành phố B, tỉnh BT.

2. *Bị đơn:* **Lê Thanh T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 113/1F, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn ly hôn ngày 28/9/2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Hồng N trình bày như sau:*

Vào năm 2014 chị và anh T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố B. Thời gian

đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, cờ bạc nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn phát sinh, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn anh T, về con chung chị và anh T có 01 con chung tên Lê Thế D, sinh ngày 19/3/2015, hiện nay con chung đang sống với chị, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Anh T không có ý kiến về yêu cầu của chị T và cũng không có lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chị N cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa là vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; Về con chung: chị N tiếp tục nuôi con tên Lê Thế D, sinh ngày 19/3/2015 chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án này là tranh chấp về việc “Ly hôn”, anh T hiện đang sinh sống tại ấp A, xã M, thành phố B nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Phía anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Vào năm 2014 chị N và anh T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố B, vì vậy hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Chị N trình bày nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, cờ bạc dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2014 đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng chị N và anh T sống ly thân nhau, từ khi ly thân cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương và chăm sóc nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ, giấy triệu tập cho anh T, anh T nhận được nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu của chị N. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị N và anh T có 01 con chung tên Lê Thế D, sinh ngày 19/3/2015, hiện nay con chung đang sống với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của chị N từ khi ly thân cho đến nay cháu Thế D được chị nuôi dưỡng vẫn đảm bảo về cuộc sống vật chất lẫn tinh thần, bên cạnh đó cháu Danh chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục để chị N nuôi con chung là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chị N nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về tài sản chung*: Chị N khai không có nên không xét đến.

- *Về nợ chung*: Chị N khai không có nên không xét đến.

[4] *Ý kiến của kiểm sát viên*:

Tại phiên tòa ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Hồng N đối với anh Lê Thanh T, chị N được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị N được tiếp tục nuôi con chung là Lê Thế D, sinh ngày 19/3/2015.

Ghi nhận chị N nuôi con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Hồng N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011460 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, vậy án phí chị N đã nộp đủ.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến tre;
- Ủy ban nhân dân phường 1;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu